TOÀ ÁN N DÂN **KHU VỰC 8 – A**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 236/2025/QĐST-HNGĐ	*A, ngày 16 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 205/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025, giữa:

- ***Nguyên đơn***: Bà **Dương Thị M**, sIh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 07, ấp Tà Săng, phường Tô Châu, tỉnh A.

- ***Bị đơn***: Ông **Giang Văn I,** sIh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 07, ấp Tà Săng, phường Tô Châu, tỉnh A.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật Hôn N và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Dương Thị M và ông Giang Văn I.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn N: Bà Dương Thị M và ông Giang Văn I thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà M và ông I có 02 người con chung gồm:

1/ Giang Thành N, sIh ngày 11/8/2006.

2/ Giang Thị Ái V, sIh ngày 12/3/2012.

Bà M và ông I thỏa thuận: Giao cháu Giang Thị Ái V cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Đối với cháu Giang Thành N đã trưởng thành và không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông I cấp dưỡng cho cháu Giang Thị Ái V là 2.000.000 đồng/tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 15/12/2025 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Quyền thăm nôm, chăm sóc con chung sau ly hôn: Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nôm, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Bà M và ông I không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn N sơ thẩm là 150.000 đồng, bà M tự nguyện nộp toàn bộ và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0009833 ngày 24/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh A. Số tiền còn thừa bà M được nhận lại là 150.000 đồng. Ông I nộp án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND khu vực 8 – A;
- Phòng THADS khu vực 8 – A;
- UBND xã Dương Hòa, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (nay là UBND phường Tô Châu, tỉnh A);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Pho